

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2022.

(V/v xin ly hôn).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Văn T.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Quang T1 và bà Vũ Thị T2.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị T3 – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn A - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/ 2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

****/ Nguyên đơn:*** Bà Dương Thị B, sinh năm 1968.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn K1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Trú tại: Thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

****/ Bị đơn:*** Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1965.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn K1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Hiện đang bị tạm giam tại: Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

****/ Người làm chứng:***

+ Chị Hoàng Thu T3, sinh ngày 15/6/1990 .

+ Anh Hoàng Minh , sinh ngày 27/02/1994

Đều có nơi đăng ký HKTT: Thôn K1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Trú tại: Thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày:

Năm 1957 bà kết hôn với ông Hoàng Văn H, sinh năm 1965 là người ở Thôn K1, xã Đ. Ông bà kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có tiến hành đăng kí kết hôn hợp pháp tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ vào 30/12/1957 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương. Sau khi kết hôn bà về nhà ông H chung sống cùng với gia đình ông H tại Thôn K1, xã Đ.

Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu ông bà chung sống bình thường, được khoảng hơn 10 năm thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H mãi chơi bời, không chịu khó làm ăn, bỏ mặc mọi việc cho một mình bà xoay xỏa. Không những ông H còn dính vào tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy. Nhiều lần bà khuyên nhủ ông H nhưng ông H không nghe vãn chúng nào tạt đây, suốt ngày bắt bà đưa tiền cho ăn tiêu, bà không có đưa cho thì ông H mang đồ đạc trong nhà đi bán. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Nhiều lần bà rất mệt mỏi chán nản nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã D ở nhưng ông H lại đến quấy phá và dọa chém giết bà cùng các con, sợ ảnh hưởng đến gia đình nên bà lại về nhà tiếp tục chung sống cùng ông H, còn con cái thì bà gửi ở nhà bố mẹ bà vì sợ các con bị ảnh hưởng xấu từ ông H. Vậy nhưng nhiều lúc ông H vẫn đến hạch sách con cái, bắt làm việc này việc kia cho ông H. Cách đây vài tháng ông H đã bị TAND huyện K xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến thời điểm này các con bà đã lớn và có thể tự lo cho bản thân, do vậy bà quyết định làm Đơn xin ly hôn ông H vì bản thân không thể chịu đựng được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng bà ly hôn nhau để bà sớm ổn định cuộc sống mới. Hiện bà đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Y, xã D sinh sống.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Hoàng Văn H thừa nhận thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân như bà B trình bày là hoàn toàn đúng. Theo ông thì thời gian đầu ông bà chung sống bình thường, có mâu thuẫn nhưng nhỏ nhặt không to tát. Tuy nhiên từ năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, kinh tế bà B quản lý hết làm cho ông rất khó chịu, từ đó vợ chồng xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Do chán nản quá nên cùng trong năm 2018 ông H vào miền Nam làm ăn, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Đến năm 2021 do tình hình dịch Covid trong miền Nam không làm ăn gì được nên ông H lại về quê nhưng vợ chồng không sống cùng nhau. Ông H sống tại xã Đ, bà B ở xã D. Cũng vì do chán cuộc sống nên ông H đã sử dụng chất ma túy và đến tháng 04/2022 khi vừa đi mua ma túy về sử dụng và đang đi trên đường thì ông H bị Công an huyện K bắt quả tang. Ông H đã bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 18 tháng tù giam và hiện đang bị tạm giam trong Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Nay bà B xin ly hôn thì quan điểm của ông là cũng nhất trí vì vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nhau.

Con chung: Bà B và ông H đều khẳng định có hai con chung là Hoàng Thu T3, sinh ngày 15/6/1990 và Hoàng Minh H1, sinh ngày 27/02/1994. Hiện cả hai cháu đều đã trưởng thành nên ông bà đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với gia đình hai bên nội ngoại: Bà B và ông H đều không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là chị Hoàng Thu T3 và anh Hoàng Minh H1 đều trình bày: Tôi là con đẻ của ông Hoàng Văn H, bà Dương Thị B là mẹ tôi. Từ khi biết nhận thức tôi thấy bố mẹ tôi thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Nguyên nhân là do bố tôi mãi chơi bời, không chịu khó làm ăn, còn dính vào tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy. Suốt ngày bắt mẹ tôi đưa tiền cho ăn tiêu, mẹ tôi không có đưa cho thì bố tôi đánh mẹ tôi và mang đồ đạc trong nhà đi bán. Nhiều lần mẹ tôi không chịu đựng được đã mang hai chị em tôi bỏ về nhà ông bà ngoại ở xã D ở nhưng bố tôi lại đến quấy phá và dọa chém giết mẹ con tôi, sợ ảnh hưởng đến ông bà ngoại và chị em tôi nên mẹ tôi một mình lại về nhà tiếp tục chung sống cùng bố tôi, còn chị em tôi thì mẹ tôi gửi ở nhà ông bà ngoại vì sợ chị em tôi bị ảnh hưởng xấu từ bố. Thế nhưng thỉnh thoảng bố tôi vẫn đến tìm chị em tôi để sai bảo một số việc. Tôi thấy bố mẹ tôi không có ngày nào là vui vẻ hạnh phúc. Khi sống với bố tôi thì mẹ tôi đã phải chịu đựng rất nhiều vì chị em chúng tôi. Hiện bố tôi đã bị TAND huyện K xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đang chấp hành án trong trại giam. Mẹ tôi đã cho bố tôi quá nhiều cơ hội nhưng bố tôi không biết sửa đổi mà cứ hành hạ và vu khống mẹ tôi. Do vậy đến thời điểm này mẹ tôi xin ly hôn bố tôi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của mẹ tôi để mẹ tôi được giải thoát khỏi bố tôi và ổn định cuộc sống mới.

Tại biên bản xác minh, UBND xã Đ cung cấp: Vợ chồng Ông H và bà B đã làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào 30/12/1957. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H mãi chơi bời, nghiện ma túy, không quan tâm gì đến vợ con, gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Bản thân ông H hiện đang phải chấp hành hình phạt tù trong trại giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Vợ chồng ông H bà B có hai con chung là Lê Thị Huyền, sinh ngày 01/11/1994 và Hoàng Minh H1, sinh ngày 03/7/1998, hiện đều đã trưởng thành. Đồng thời UBND xã có quan điểm mâu thuẫn giữa bà B và Ông H là có thật nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Dương Thị B và bị đơn Ông Hoàng Văn H; Những người làm chứng là Hoàng Thu T3 và cháu Hoàng Minh H1 đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà B và ông H. Về con chung, về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của bà B, ông H đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, bà B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Dương Thị B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết ly hôn cho bà và ông Hoàng Văn H là người ở Thôn K1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị B, bị đơn ông Hoàng Văn H, người làm chứng chị Hoàng Thu T3 và anh Hoàng Minh H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà B kết hôn với ông H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào 30/12/1957 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng nhau về quan điểm lối sống. Cả hai đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không quan hệ tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Bà B xác định không còn tình cảm với ông H nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Bản thân ông H cũng nhất trí ly hôn với bà B vì vợ chồng không còn tình cảm.

Theo xác minh tại Ban tư pháp xã Đ về trường hợp ly hôn giữa bà B và ông H, cũng như người thân trong gia đình ông bà thì thấy rằng quá trình chung sống bà

B và ông H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và sẽ chia được với nhau. Bà B và ông H đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà B xin ly hôn, ông H cũng nhất trí, vì vậy Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà B và ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà B và ông H có hai con chung là chị Hoàng Thu T3, sinh ngày 15/6/1990, anh Hoàng Minh H1, sinh ngày 27/02/1994, hiện đều đã trưởng thành, bà B và ông H đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Do vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Bà B và ông H đều không yêu cầu đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào bà B, ông H có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà B đã nộp theo biên lai thu số 0007882 ngày 03/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên bà B đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị B và ông Hoàng Văn H.

[3]. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Tòa án không đặt ra xem xét ở trong vụ án ly hôn này. Khi nào bà B, ông H

có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Bà Dương Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Bà B đã nộp theo biên lai thu số 0007882 ngày 03/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên bà B đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS K/C;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn T